

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 335/2025/TB-TA ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Số E L, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc C; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Quyết định uỷ quyền số 2568/QĐ-NHKL ngày 17/9/2024); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; Địa chỉ trụ sở: Km 89+600, Quốc lộ E, tổ dân phố M, phường A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T1: Ông Đào Xuân B và bà Bùi Thị H, đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Ngọc Q và bà Đỗ Thị C1, cùng địa chỉ: Số F, T, phường A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đỗ Thị C1: Ông Đinh Ngọc Q, vắng mặt.

+ Xí nghiệp Ngọc Q, địa chỉ trụ sở: Thửa số 117, Lô GH3, KĐT nổi đường L với đường H - Cầu R, phường L, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp N1: Ông Đinh Ngọc Q, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Xí nghiệp N1 và ông Đinh Ngọc Q: Ông Trần Văn N – Luật sư Văn phòng L và Gia đình thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, vắng mặt.

+ Ông Đinh Ngọc X; địa chỉ: Số nhà A+ B đường N, phường L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần T1 có quan hệ tín dụng; cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300811/TPB.HP/HMTD.11-LC ngày 31/8/2011, Ngân hàng cho vay số tiền **2.650.000.000 đồng**. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng cho công ty cổ phần Đ, theo Hợp đồng số 06/HĐ-MB ngày 01/02/2012. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay: 22.5%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của T2 trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06-1212/HDTD-TPB/HPG ngày 28/12/2012, Ngân hàng cho vay số tiền 40.652.600 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền cho Chi nhánh Công ty TNHH D – Nhà máy X1 theo HĐKT số 588/HĐ-MB ngày 01/11/2012. Thời hạn vay là 06 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm GN là 17,5%/năm. Lãi suất thay đổi 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân theo công thức $LSCV = LSTK$ loại thường 12 tháng trả cuối kỳ + 6,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 452 m², địa chỉ: xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy CNQSDĐ số I793174, sổ vào sổ cấp GCN số 01613 do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/4/1998 đứng tên ông Đinh Ngọc Q. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được Văn

phòng C2 chứng nhận số 3648 ngày 31/8/2011. Tài sản được đăng kí giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện trả nợ vay, Công ty Cổ phần T1 đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho ngân hàng đúng kỳ hạn. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ số tiền tính đến ngày 30/9/2025 tổng số nợ là 15.412.273.680 đồng; trong đó: nợ gốc là 2.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 185.217.363 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.577.056.317 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần T1 trình bày: Bị đơn xác nhận công ty có ký hợp đồng tín dụng vay ngân hàng T và có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Khoản vay nợ trên cho công ty hoạt động, vì làm ăn khó khăn nên Công ty không trả được nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Ngọc Q và bà Đỗ Thị C1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Q là giám đốc Xí nghiệp N1, tài sản thế chấp đã góp vốn vào Xí nghiệp từ trước, khi thế chấp không được sự đồng ý của xí nghiệp nên hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Ngọc X trình bày: Tài sản ông Q và ông đã góp vốn vào Xí nghiệp Ngọc Q nên ông Q mang đi thế chấp là không đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các qui định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử như đại diện nguyên đơn đã trình bày ở trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp như nguyên đơn trình bày để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ ở phường A, thành phố Hải Phòng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 30, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng có

thẩm quyền giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300811/TPB.HP/HMTD.11-LC ngày 31/8/2011 và HĐTD ngắn hạn số 06-1212/HDTD-TPB/HPG ngày 28/12/2012, giấy nhận nợ số: 03 ngày 03/3/2012 số tiền 1.650.000.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 05/4/2012 số tiền 959.347.400 đồng; giấy nhận nợ số: 03 ngày 03/01/2013 số tiền 40.652.600 đồng. Việc các bên thừa nhận quan hệ tín dụng; số tiền vay, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ của như trình bày ở trên là có căn cứ chấp nhận. Công ty Cổ phần T1 hiện nay chưa có quyết định giải thể hay phá sản vì vậy vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Việc các bên thừa nhận bên vay có dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 452 m², địa chỉ: xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy CNQSDĐ số I793174, sổ vào sổ cấp GCN số 01613 do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/4/1998 đứng tên ông Đinh Ngọc Q là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Hợp đồng thế chấp đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định. Trong hợp đồng thế chấp ngày 31/8/2011 chỉ ghi thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 452 m², địa chỉ: xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy CNQSDĐ số I793174, sổ vào sổ cấp GCN số 01613 do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/4/1998 đứng tên ông Đinh Ngọc Q nhưng trong cam kết thế chấp ngày 31/8/2011 thì ông Q, bà C1 cam kết thế chấp cả đất và công trình xây dựng trên đất. Ông Q, bà C1 cam kết tài sản của mình, theo quy định thì ông Q, bà C1 phải thông báo cho bên nhận thế chấp về quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba đối với tài sản. Việc ông Q, bà C1 khai tài sản đã góp vốn cho xí nghiệp nhưng không đăng ký việc góp vốn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên ông Q nên ngân hàng không thể biết được. Theo quy định tại Nghị định số 17/1999/NĐ - CP ngày 29/3/1999 thì diện tích đất vẫn của ông Q, bà C1. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về phát mại các tài sản thế chấp ở trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 280, 292, 293, 299, 303, 317, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự; điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Trên diện tích đất thế chấp có các công trình xây dựng nhà xưởng lợp tôn xây đơn giản. Khi phát mại tài sản sẽ phát mại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng sẽ thanh toán giá trị nhà xưởng trên đất cho Xí nghiệp N1 vào thời điểm phát mại tài sản.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 293, 299, 303, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự ; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần T1 phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng số tiền phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300811/TPB.HP/HMTD.11-LC ngày 31/8/2011 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06-1212/HDTD-TPB/HPG ngày 28/12/2012 tính đến hết ngày 30/9/2025 tổng số nợ là 15.412.273.680 đồng; trong đó: nợ gốc là 2.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 185.217.363 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.577.056.317 đồng, cụ thể như sau:

- Khế ước giải ngân ngày 03/3/2012 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300811/TPB.HP/HMTD.11-LC ngày 31/8/2011: Tổng số nợ là 9.599.535.375 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 102.815.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.846.719.758 đồng.

- Khế ước giải ngân ngày 05/4/2012 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300811/TPB.HP/HMTD.11-LC ngày 31/8/2011: Tổng số nợ là 5.659.057.093 đồng, trong đó: Nợ gốc là 959.347.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 79.146.161 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.620.563.532 đồng.

- Khế ước giải ngân ngày 03/01/2013 theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06-1212/HDTD-TPB/HPG ngày 28/12/2012: Tổng số nợ là 153.681.212 đồng, trong đó: Nợ gốc là 40.652.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.255.585 đồng, nợ lãi quá hạn là 109.773.027 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần T1 không trả được nợ Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 286, tờ bản đồ số 03, diện tích 452m², địa chỉ: xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là

phường A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy CNQSDĐ số I793174, sổ vào sổ cấp GCN số 01613 do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/4/1998 đứng tên ông Đinh Ngọc Q.

Khi xử lý tài sản thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần T phải hoàn trả cho Xí nghiệp N1 giá trị nhà xưởng lợp tôn xây dựng trên đất theo giá trị định giá tại thời điểm phát mại tài sản. Ngân hàng Thương mại cổ phần T phải có trách nhiệm trả chi phí tháo dỡ tài sản nếu có. Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho ông Q, bà C1. Ông Q, bà C1 được ưu tiên mua tài sản phát mại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải nộp 123.412.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí **58.895.722 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0012844 ngày 21/10/2020.**

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý